

Bản án số: 24/2017/DS-PT
Ngày: 17-7-2017
V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyết
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Dung
Bà Lê Thúy Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: đường T, quận H, TP. H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hồng Nguyễn Đình K** – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ theo văn bản ủy quyền số 592/2016/UQ-VBP ngày 04/3/2016 và số 1206/UQ-VBP ngày 18/01/2017.

2. Bị đơn:

Ông **Nguyễn Tấn A.** - Sinh năm 1980

Địa chỉ: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Ngô Chiến Quốc H; địa chỉ cư trú: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh K. Văn bản ủy quyền lập ngày 18/7/2016.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà **Nguyễn Thị Đ** - Sinh năm 1957

Địa chỉ: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Ngô Chiến Quốc H; địa chỉ cư trú: tổ dân phố P, phường N, thị xã N, tỉnh K theo văn bản ủy quyền lập ngày 11/11/2016.

4. **Người kháng cáo:** Bị đơn - Ông Nguyễn Tấn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Hồng Nguyễn Đình K trình bày:

Ngày 30/7/2014, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V – Chi nhánh N và ông Nguyễn Tấn A đã ký hợp đồng tín dụng số NTG/14/0074/HĐTD với số tiền vay là 245.000.000 đồng, theo phương thức trả góp, lãi suất 12.5%/năm, hạn trả nợ ngày 31/12/2024 với mục đích vay là mua sắm vật dụng gia đình. Để đảm bảo việc thực hiện hợp đồng, ngày 30/4/2014, Ngân hàng V và bà Nguyễn Thị Đ đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số NTG/14/0074/HĐTC. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Tấn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên. Ngân hàng V đã tạo điều kiện để ông A trả nợ nhưng không có kết quả. Tính đến ngày 10/4/2017, dư nợ của ông A tại Ngân hàng V là: 303.949.427 đồng, trong đó nợ gốc: 232.700.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 71.249.427 đồng. Do vậy Ngân hàng V yêu cầu ông Nguyễn Tấn A thanh toán số tiền 303.949.427 đồng. Trường hợp ông A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Tấn A đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ – ông Ngô Chiến H trình bày:

Về nội dung của Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp và số tiền nợ hiện nay của ông A thì ông H thống nhất với ý kiến của ngân hàng và không có ý kiến gì. Tuy nhiên, ông H yêu cầu được trả 3.000.000 đồng/tháng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình ông A khó khăn, không đủ sức trả một lần.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2017/DS-ST ngày 10/4/2017, Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh K, đã quyết định:

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 299, 322, 323, 463, 468 và Điều 501 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn A phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền: 303.949.427 đồng, trong đó tiền gốc: 232.700.000 đồng, lãi: 71.249.427 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số NTG/14/0074/HĐTD, ông Nguyễn Tấn A còn phải chịu lãi phát sinh đối với số tiền gốc 232.700.000 đồng, kể từ ngày 11/4/2017 cho đến khi trả hết số tiền gốc của hợp đồng.

2. Nếu ông Nguyễn Tấn A không thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền 303.949.427 đồng và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc 232.700.000đ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án

dân sự thị xã N xử lý tài sản thế chấp gồm thửa đất số 892, tờ bản đồ số 9, diện tích 602 m², trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 100 m² được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD ..., số vào sổ cấp GCN: AB... ngày 06/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ để bảo đảm thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Tấn A đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền 303.949.427đ và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc 232.700.000đ cho Ngân hàng V thì V phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD..., số vào sổ cấp GCN: AB... ngày 06/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2017, ông Ngô Quốc Chiến H – đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Tấn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Tấn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt nhưng có mặt người được ủy quyền là ông Ngô Quốc Chiến H. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Ngô Chiến Quốc H đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định đơn kháng cáo do ông đứng đơn H đề ngày 24/4/2017 là nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Tấn A, bà Đ không kháng cáo. Tòa án sơ thẩm thông báo về việc kháng cáo của ông A và bà Đ trong khi bà Đ không nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là không chính xác. Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giải quyết kháng cáo của ông A.

Ông Ngô Quốc Chiến H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin trả 50.000.000đ rồi sau đó trả dần mỗi tháng 4.000.000 đồng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình ông A khó khăn.

Ông Hồng Nguyễn Đình K đại diện cho nguyên đơn không đồng ý việc xin trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự trong giai đoạn phúc thẩm và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Tòa xét: Hợp đồng tín dụng số NTG/14/0074/HĐTD giữa Ngân hàng V và ông Nguyễn Tấn A đã ký với số tiền vay là 245.000.000 đồng, theo phương thức trả góp, lãi suất 12.5%/năm, hạn trả nợ ngày 31/12/2024 đều được các bên

ký kết hợp đồng thừa nhận nên đây là chứng cứ thể hiện quan hệ pháp luật dân sự của các bên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông A không trả góp đủ số tiền vốn và lãi theo phân kỳ mặc dù Ngân hàng V tạo điều kiện thời gian để ông khắc phục. Ngân hàng V căn cứ tại khoản 2 Điều 4 và điểm g khoản 1 Điều 6 đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu ông A trả nợ tính đến ngày 10/4/2017, dư nợ của ông A. tại Ngân hàng V là: 303.949.427 đồng, trong đó nợ gốc: 232.700.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 71.249.427 đồng được ông A thừa nhận số tiền nợ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Các nội dung khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn A phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Tấn A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 299, 322, 323, 463, 468 và Điều 501 của Bộ luật Dân sự năm 2015; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Tấn A phải trả cho Ngân hàng V số tiền: 303.949.427 đồng, trong đó tiền gốc: 232.700.000 đồng, tiền lãi: 71.249.427 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số NTG/14/0074/HĐTD, ông Nguyễn Tấn A còn phải chịu lãi phát sinh đối với số tiền gốc 232.700.000 đồng, kể từ ngày 11/4/2017 cho đến khi trả hết số tiền gốc của hợp đồng.

2. Nếu ông Nguyễn Tấn A không thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền 303.949.427 đồng và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc 232.700.000đ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N xử lý tài sản thế chấp gồm thửa đất số 892, tờ bản đồ số 9, diện tích 602 m², trên đất có căn nhà cấp 4, diện tích xây dựng 100 m² được Ủy ban nhân dân thị xã N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD ..., số vào sổ cấp GCN: AB... ngày 06/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ để bảo đảm thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Tấn A đã thực hiện nghĩa vụ trả hết số tiền 303.949.427đ và khoản tiền lãi phát sinh của số tiền gốc 232.700.000đ cho Ngân hàng V thì Ngân hàng V phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD ..., số vào sổ cấp GCN: AB... ngày 06/8/2013 cho bà Nguyễn Thị Đ.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn A phải chịu 15.197.470 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 200.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông A đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0013362 ngày 10/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N. Ông A còn phải nộp 100.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Tổng cộng, ông A phải chịu 15.297.470 đồng tiền án phí.

Hoàn lại cho Ngân hàng V 6.630.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/0009255 ngày 26/5/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (17/7/2017).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh K.;
- TAND TX. N.;
- Chi cục THADS TX. N.;
- Lưu: Án văn; VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyết